

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG ĐỜI SỐNG VÀ PHƯƠNG THỨC SINH KẾ HIỆN NAY CỦA NGƯỜI Ê-ĐÊ Ở XÃ EA NUÔL, HUYỆN BUÔN ĐƠN, TỈNH ĐẮK LẮK¹

ThS. Nông Bằng Nguyễn
Viện Dân tộc học

Tóm tắt: Người Ê-đê cư trú tập trung chủ yếu ở tỉnh Đắk Lắk. Điềm qua nhiều nghiên cứu cho thấy sinh kế truyền thống của tộc người này thường là canh tác trên rẫy, chăn nuôi nhỏ lẻ và săn bắn hái lượm. Bài viết này mô tả những sự biến đổi đời sống và sinh kế hiện nay của người Ê-đê ở xã Ea Nuôl, huyện Buôn Đơn, tỉnh Đắk Lắk. Sự biến đổi này có sự tác động của nhiều yếu tố, trong đó, các chính sách phát triển kinh tế - xã hội của nhà nước và sự hỗ trợ của những chương trình, dự án quốc tế đóng vai trò quan trọng. Trong sự biến đổi ấy, người Ê-đê có những lựa chọn mang tính duy lý nhằm thích nghi với bối cảnh mới.

Từ khóa: người Ê-đê, sinh kế, đời sống, chính sách, chương trình và dự án quốc tế.

Ngày nhận bài: 4/11/2019; ngày gửi phản biện: 10/1/2020, ngày duyệt đăng: 9/2/2020

Đặt vấn đề

Đắk Lắk là một trong những tỉnh của cả nước có nhiều chương trình, dự án như hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn (Chương trình 134); Chương trình giảm nghèo Tây Nguyên; Chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn (Chương trình 102); Chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở (Chương trình 167); Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới;... Trong nhiều năm qua, tỉnh còn có hàng trăm dự án ODA tập trung vào các vấn đề xây dựng cơ sở hạ tầng, y tế và giảm nghèo (Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk, 2015; Minh Thông, 2017). Ngoài ra, tỉnh Đắk Lắk còn có nhiều dự án do các tổ chức quốc tế hỗ trợ.

Quá trình thực thi các chính sách và dự án ở các cấp độ khác nhau đã tạo ra những thay đổi về kinh tế, văn hóa, xã hội ở tộc người Ê-đê tại tỉnh Đắk Lắk. Trong khuôn khổ bài viết này, chúng tôi góp phần bổ sung tư liệu về những thay đổi về đời sống và sinh kế của người Ê-đê hiện nay qua nghiên cứu trường hợp tại xã Ea Nuôl vào tháng 4 năm 2019.

Xã Ea Nuôl có 1.285 hộ gia đình người Ê-đê với 5.515 nhân khẩu, chiếm khoảng 45,68% dân số toàn xã. Hộ nghèo người Ê-đê là 898 hộ, chiếm hơn 68,13% hộ nghèo toàn xã. Xã Ea Nuôl là một trong những xã nghèo của tỉnh Đắk Lắk và được nhận hỗ trợ của Dự án giảm nghèo khu vực Tây Nguyên giai đoạn 2. Quá trình tham gia dự án từ năm 2015 đến nay đã thay đổi đáng kể các điều kiện kinh tế - xã hội của người Ê-đê nơi đây (Ủy ban nhân dân xã Ea Nuôl, 2019).

¹ Bài viết là kết quả của đề tài nghiên cứu cấp Cơ sở năm 2019: “Ảnh hưởng của văn hóa tộc người đến việc đầu tư và thực hiện các chương trình dự án quốc tế ở vùng Tây Nguyên” do Viện Dân tộc học chủ trì, TS. Trần Minh Hằng và ThS. Nông Bằng Nguyễn làm đồng Chủ nhiệm.

1. Những thay đổi về tổ chức xã hội

Người Ê-đê ở xã Ea Nuôl cư trú chủ yếu tại các buôn: Niêng 1, Niêng 2 và Niêng 3; Ko Đung A và Ko Đung B; Ea Mthar 1A, Ea Mthar 1B, Ea Mthar 2 và Ea Mthar 3. Những buôn này được tách ra từ các buôn gốc do sự phát triển dân số. Chẳng hạn, buôn Niêng 1 là gốc của buôn Niêng 2 và Niêng 3 tách ra từ năm 1983 và 2004. Đặc điểm xã hội của người Ê-đê tại xã Ea Nuôl hiện nay có nhiều thay đổi so với truyền thống.

Sự có kết tộc người: Những buôn “gốc” như buôn Niêng 1, đa số cư dân là người Ê-đê, rất ít tộc người khác cư trú. Những buôn mới được tách ra, như buôn Niêng 2 và 3, tình trạng mua bán đất đai giữa người Ê-đê và các tộc người khác diễn ra khá mạnh mẽ dẫn đến tình trạng cư trú xen cài giữa các tộc người khác nhau. Chẳng hạn buôn Niêng 3, có trường hợp người Ê-đê bán đất cho người Kinh và người Kinh này lại thuê một hộ gia đình người Tày khác đến ở để chăm sóc cây cà phê

Mặc dù các buôn được tách ra do sự gia tăng dân số, song người Ê-đê sống ở các buôn này có mối quan hệ dòng họ bền chặt. Đây có thể xem là đặc điểm xã hội quan trọng nhất của người Ê-đê ảnh hưởng đến các hoạt động và hiệu quả của nhiều hoạt động phát triển kinh tế - xã hội. Mối quan hệ này thể hiện rõ nhất qua việc giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống và hoạt động kinh tế. Anh Ywing Hra diễn giải cho chúng tôi về sự tương trợ xã hội trong dòng họ giữa các buôn như sau: anh sinh ra và lớn lên ở buôn Niêng 2, kết hôn và theo vợ về sống ở buôn Niêng 1, bố mẹ anh vẫn đang sinh sống ở buôn Niêng 2, gia đình anh có nhiều anh em họ hàng ở buôn Niêng 1, Niêng 2 và Niêng 3. Đến mùa thu hoạch lúa, cà phê hay hồ tiêu những người trong cùng dòng họ tham gia đôi công, giúp đỡ lẫn nhau khi công việc nhà nông bận rộn.

Phân chia tài sản sau khi kết hôn: Người Ê-đê có tục mẫu hệ, con cái đặt tên theo họ mẹ, sau khi kết hôn nam giới về nhà gái sinh sống và của cải thường được chia cho con gái. Hầu hết phụ nữ là người quản lý kinh tế, quyết định các vấn đề trong gia đình. Tập tục này hiện vẫn còn ở người Ê-đê tại xã Ea Nuôl. Bà Bui Tul, buôn Niêng 1 diễn giải cho chúng tôi về cách phân chia tài sản như sau: Trong gia đình, các cô con gái đi lấy chồng đều được chia công bằng một diện tích đất canh tác nhất định, còn vợ chồng bà giữ lại diện tích đất lớn hơn các con một chút. Diện tích đất được giữ lại do vợ chồng bà canh tác và có sự hỗ trợ của các con, kể cả con gái và con trai. Sau khi thu hoạch, vợ chồng bà giữ lại đủ tiêu dùng, phần còn lại cho các con. Diện tích đất được giữ lại do ông bà sở hữu và để thừa kế cho cô con gái út hoặc người con gái đứng ra chăm sóc ông bà khi già yếu, ốm đau. Vai trò của giới trong gia đình và sản xuất phần nào tác động đến các hoạt động của các dự án phát triển đang triển khai tại địa phương. Ở xã Ea Nuôl, hầu hết các thành viên tham gia nhóm sản xuất là chị em phụ nữ.

Quan hệ kinh tế giữa người Ê-đê với người Kinh và các tộc người khác: Về quản lý cấp chính quyền hiện nay, Bí thư, Chủ tịch và nhiều cán bộ chủ chốt của xã đều là người Kinh. Sự tham gia vào các hoạt động Dự án, nhóm trồng trọt hay chăn nuôi đều có lồng ghép giữa các hộ thuộc nhiều thành phần tộc người khác nhau. Quy định của nhóm dự án là sự trao đổi và chia sẻ kiến thức, kỹ năng trong quá trình trồng trọt và chăn nuôi. Khi chúng tôi hỏi về vấn đề này thì đa số người Ê-đê đều cho rằng họ thường xuyên trao đổi các thông tin cho nhau, nhưng trên thực tế các hộ người Kinh thường thành công hơn so với các hộ người Ê-đê trong cùng một dự án.

Người Kinh ở xã Ea Nuôl chủ yếu là buôn bán tạp hóa, làm đại lý phân bón, thu mua hồ tiêu, cà phê và dịch vụ chăm sóc sắc đẹp... (UBND xã Ea Nuôl, 2018). Trong khi đó, người Ê-đê chủ yếu

làm nông nghiệp. Đa số các hộ gia đình người Ê-đê mà nhóm nghiên cứu khảo sát cho biết hiện đang vay mượn tiền. Các khoản vay mượn này nhằm trang trải nhu cầu sinh hoạt gia đình, đầu tư cho chăn nuôi và trồng trọt. Do điều kiện kinh tế có hạn, mỗi hộ gia đình chỉ vay được khoảng 20 triệu đồng từ Ngân hàng chính sách xã hội (thời hạn từ 1 - 5 năm tùy khả năng chi trả). Nhiều người Ê-đê buộc phải vay tiền hoặc vật tư nông nghiệp, chăn nuôi từ các cửa hàng vật tư nông nghiệp hoặc doanh nghiệp tư nhân thu mua cà phê, hồ tiêu với số tiền lãi suất cao. Đối với những gia đình vay hoặc mua vật tư nông nghiệp từ 1 triệu đồng trở lên thì lãi suất trả hàng tháng từ 20.000 - 50.000 đồng, tùy theo uy tín của người đi vay. Uy tín cao là những người trả gốc, lãi đúng hạn và cam kết bán sản phẩm (cà phê, hồ tiêu, điều, ngô) ngay sau khi thu hoạch. Như vậy, ước khoản lãi suất cho vay đối với 1 triệu đồng là 24%/năm. Mức lãi suất này cao hơn rất nhiều so với lãi suất của Ngân hàng chính sách xã hội là 1,2%/năm. Chị Hới Hwing cho biết Ngân hàng Chính sách xã hội chỉ thu lãi 6.500 đồng/1 triệu đồng mỗi tháng. Các khoản vay giữa các cá nhân phải trả lãi cao và nông sản bán ra bị ép giá nên người nông dân rất thiệt thòi, thậm chí thua lỗ và rơi vào cảnh nợ nần chồng chất.

Tỷ lệ nghèo vẫn còn rất cao ở người Ê-đê: Theo báo cáo của UBND xã Ea Nuôi năm 2018, toàn xã có 1.318 hộ nghèo trong tổng số 2.986 hộ, chiếm 44,14% số hộ toàn xã. Trong đó, hộ nghèo là người Ê-đê có 898 hộ, chiếm hơn 68,13% hộ nghèo toàn xã. Tỷ lệ nghèo cao của người Ê-đê tại xã Ea Nuôi có nguyên nhân từ sự gia tăng dân số, thiếu đất canh tác và trình độ giáo dục phổ thông thấp. Trong các tiêu chí về xây dựng nông thôn mới thì tiêu chí thứ 14 về giáo dục của xã đã đạt được. Trong đó, toàn xã đạt tiêu chí phổ cập giáo dục mầm non, tiểu học và trung học cơ sở; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp phổ thông cơ sở đạt 100% với 124/124 học sinh... (UBND xã Ea Nuôi, 2018). So sánh với số liệu chung về trình độ học vấn của người Ê-đê qua bức tranh tổng quát theo kết quả điều tra năm 2015 của Ủy ban dân tộc cho thấy sự khác biệt, chỉ có 71,2% người Ê-đê từ 15 tuổi trở lên biết đọc, viết chữ phổ thông; 65,1% trẻ em trong độ tuổi đi học học đúng cấp; tỷ lệ này ở cấp tiểu học là 91,7%, trung học cơ sở là 67,6%, trung học phổ thông là 26,8% (Ủy ban Dân tộc, 2015).

Trình độ học vấn thấp thường là nguyên nhân của nghèo đói, thiếu kiến thức, kỹ năng trong việc tham gia Dự án giảm nghèo và đưa ra các kế hoạch nâng cao sinh kế cho gia đình. Trình độ học vấn thấp cũng có thể dẫn đến hạn chế về tâm thế trong việc tham gia dự án và ứng dụng kiến thức mới trong sản xuất kinh tế. Thông thường, khi có kiến thức mới liên quan đến sản xuất, người Ê-đê thường hỏi họ hàng, hàng xóm, hay những người cùng trong nhóm, chứ chưa chủ động trao đổi trực tiếp với các cán bộ kỹ thuật của Dự án hoặc tìm các thông tin từ sách vở và internet. Chị Hblen Bya, buôn Ko Đung A đánh giá về nhận thức của người Ê-đê như sau: “Người Ê-đê thì rất khó khăn, từ chỗ trình độ họ kém, họ không được như người Kinh, nên người Ê-đê ở buôn Ko Đung A tỉ lệ hộ nghèo rất là cao, 138 hộ nghèo”.

Thay đổi cấu trúc xã hội: Tình trạng di cư và cư trú xen cài giữa các tộc người đang diễn ra mạnh mẽ trong 20 năm trở lại đây đã làm thay đổi nơi cư trú của người Ê-đê. Xung quanh khu vực UBND xã Ea Nuôi qua con đường Nguyễn Thị Định (còn gọi Tỉnh lộ 681) trở thành nơi cư trú của người Kinh và tập trung các hoạt động buôn bán, dịch vụ. Các hoạt động kinh tế này trở thành điểm nút chính trong quan hệ kinh tế - xã hội giữa các tộc người, nhất là quan hệ giữa người Ê-đê và người Kinh. Các buôn mới của người Ê-đê dần chuyển sâu vào bên trong. Cho dù có những thay đổi về cấu trúc cư trú nhưng người Ê-đê vẫn có tính đoàn kết rất cao. Quan hệ xã hội gắn bó giữa các buôn không chỉ ở đơn vị nhân - gia đình, mà còn về kinh tế và các tương trợ xã hội khác.

Tình trạng nghèo tại các hộ gia đình người Ê-đê tại xã Ea Nuôl hiện còn rất cao, chiếm đến gần 70% số hộ nghèo toàn xã. Nghèo đói thường kéo theo những khó khăn khác như đầu tư về giáo dục, sức khỏe, kiến thức và năng lực tiếp nhận các dự án hỗ trợ. Vấn đề này dẫn đến sự thiếu hụt các nguồn vốn của người Ê-đê nơi đây, trong đó có vốn tài chính. Mức cho vay của nhà nước còn thấp nên nhiều hộ gia đình nghèo phải tìm kiếm nguồn vốn khác với lãi suất cao. Như trên đã phân tích, đây là một trong những nguyên nhân khiến mối quan hệ kinh tế - tài chính giữa các hộ gia đình Ê-đê và đại lý vật tư nông nghiệp của người Kinh dần trở nên tiêu cực.

2. Những thay đổi về giá trị văn hóa

Văn hóa vật chất: Nhà dài là hình thức cư trú truyền thống của người Ê-đê. Trong nhà dài thường có K'pang, chiêng, trống, ghè rượu hoặc những bộ đa thú là sản phẩm của việc săn bắt. Nhiều nhà dài tại xã Ea Nuôl vẫn còn những hiện vật như trên. Tuy nhiên, số lượng nhà dài đang giảm dần và thay thế bởi nhà trệt bằng gạch, gỗ. Sự giảm sút về số lượng nhà dài và sự tách hộ cho thấy xu hướng mô hình quy mô gia đình nhỏ hiện nay. Hơn nữa, các chương trình, dự án của nhà nước và những tổ chức quốc tế gần đây thường hỗ trợ theo hộ gia đình, ưu tiên hộ nghèo, cận nghèo. Vì thế, hầu hết các gia đình lớn trước đây đều đã tách hộ để được hưởng chế độ ưu tiên.

Hiện nay, trang phục của người Ê-đê hoàn toàn thay đổi so với truyền thống. Áo phục thay thế cho váy, khố. Bà Bruil Tul, nghệ nhân dệt ở buôn Niêng 1 cho biết: các nữ thanh niên bây giờ không còn ai thích học dệt vải truyền thống nữa. Ngay như hai cô con gái của bà cũng không thích học nghề dệt này. Nghề dệt vải theo bà đòi hỏi phải có tính kiên nhẫn và sức khỏe do phải làm hàng tuần mới có thể dệt được một tấm chăn hoặc một chiếc áo,... Tuy nhiên, những trang phục truyền thống vẫn có giá trị linh thiêng trong những dịp trọng đại như cưới hỏi của người Ê-đê. Khách mua hàng của bà chủ yếu là khách du lịch nước ngoài, nghệ sĩ và một số gia đình trong vùng mua để làm lễ vật trong các đám cưới. Phương tiện di chuyển của các hộ gia đình chủ yếu là xe đạp và xe máy. Những gia đình khá giả còn có xe công nông, máy cày phục vụ cho các hoạt động sản xuất. Điện thoại di động là phương tiện liên lạc rất phổ biến nơi đây. Hầu như gia đình nào cũng có ít nhất một điện thoại di động.

Ea Nuôl là một trong những xã nghèo của huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk nên được ưu tiên tham gia rất nhiều chương trình, dự án giảm nghèo, phát triển của Chính phủ và các tổ chức quốc tế như: Chương trình hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn (Chương trình 134); Chương trình giảm nghèo Tây Nguyên; Chính sách hỗ trợ trực tiếp cho người dân thuộc hộ nghèo ở vùng khó khăn (Chương trình 102); Chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở (Chương trình 167); Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới,... Các chương trình này đã góp phần thay đổi diện mạo các buôn của tộc người Ê-đê nơi đây (UBND xã Ea Nuôl, 2018); mang lại cho xã diện mạo mới về hệ thống cơ sở hạ tầng (điện, đường, trường, trạm y tế, nhà văn hóa cộng đồng). Các hộ gia đình đều được sử dụng điện lưới, các con đường chính trong thôn hầu hết được đổ bê tông, trường học, nhà văn hóa và trạm y tế xã được xây mới và sửa chữa khang trang.

Văn hóa tinh thần: Tại xã Ea Nuôl có ba tôn giáo chính là Phật giáo, Tin lành và Công giáo với tổng số 2.540 tín đồ.

Tin Lành rất phát triển ở các cộng đồng người Ê-đê nơi đây với một chi hội và hai điểm nhóm. Theo thống kê của UBND xã Ea Nuôl, Tin Lành trên địa bàn xã có 1 chi hội và 2 điểm nhóm với 1.736

tin đồ trái đều ở 7 buôn (Buôn Niêng 1, Niêng 2, và Niêng 3; buôn Ko Đung A và Ko Đung B; buôn Ea Mthar 1A và 1B). Công giáo có 1 giáo họ (Hòa Nam) với 1.406 tín đồ (UBND xã Ea Nuôl, 2018).

Tin Lành và Công giáo đã có những tác động lớn đến việc bỏ các nghi lễ truyền thống của người Ê-đê, kể cả những nghi lễ quan trọng như *lễ cúng bến nước* cũng không còn nữa. Khi chúng tôi hỏi cổ lại các bước của nghi lễ này thì hầu hết những người từ lứa tuổi trung niên trở lên đều có thể kể chi tiết quy trình của nó, còn thanh niên thì chỉ biết tên mà không biết nghi lễ này như thế nào.

Tim hiểu về các đặc điểm văn hóa của người Ê-đê nơi đây cho thấy, các chương trình giảm nghèo và xây dựng nông thôn mới đã có những tác động nhất định đến văn hóa vật chất và tinh thần của người dân. Nhiều khía cạnh trong văn hóa của người Ê-đê đã thay đổi nhiều so với truyền thống. Thay đổi quan trọng của người Ê-đê nơi đây là một bộ phận lớn đã trở thành tín đồ của Công giáo và Tin lành. Những giá trị văn hóa mới như phương tiện đi lại, liên lạc và cơ giới hóa trong hoạt động sản xuất đang ngày càng đóng góp vào sự phát triển ở các buôn làng của người Ê-đê.

3. Những thay đổi trong sinh kế của người Ê-đê hiện nay

Người Ê-đê tại xã Ea Nuôl có các hoạt động mưu sinh chính bao gồm: trồng trọt, chăn nuôi, một số ngành nghề thủ công và khai thác các nguồn lợi từ tự nhiên. Trong các hoạt động mưu sinh này, trồng trọt và chăn nuôi là hai hoạt động quan trọng nhất.

3.1. Trồng trọt

Trồng trọt của người Ê-đê tại xã Ea Nuôl bao gồm trồng lúa nước, cà phê, điều, hồ tiêu, cao su và một số loại cây lương thực, hoa màu, cây ăn trái và các loại dược liệu. Trong các loại cây trồng kể trên, lúa và cà phê là hai loại cây trồng chính. Những loại cây trồng khác chỉ mang tính thời vụ, nhỏ lẻ, hoặc tận dụng các khoảnh đất trống của ruộng, vườn, chưa có quy mô lớn. Theo báo cáo của UBND xã Ea Nuôl, toàn xã hiện có 2.414 hecta đất trồng cây cà phê, 1.365 hecta cây lương thực (ngô, lúa), 285 hecta hồ tiêu, 185 hecta điều... (UBND xã Ea Nuôl, 2018).

Lúa được người Ê-đê trồng ở những nơi ven theo triền sông Sêrêpôk và một số con suối nhỏ dẫn nguồn từ con sông này. Lúa vẫn là cây trồng chính đem lại nguồn lương thực chính cho người Ê-đê tại đây. Người Ê-đê tại xã Ea Nuôl một năm thường trồng 2 vụ lúa. Một số hộ gia đình có ruộng ngay sát các con suối trồng đến 3 vụ lúa, nhưng số lượng này rất ít. Vụ lúa thứ nhất thường bắt đầu vào tháng 6 hoặc tháng 7 và kết thúc vào tháng 10. Khi mùa mưa bắt đầu vào tháng 6 là lúc người dân tiến hành vụ lúa thứ nhất; vụ lúa thứ hai bắt đầu từ tháng 10, tháng 11 cho đến tháng 1 của năm sau (tính theo dương lịch). Cho đến nay, người Ê-đê tại xã Ea Nuôl chỉ trồng lúa nước, ít trồng lương thực trên nương rẫy.

Về giống lúa, do chuyển sang trồng lúa nước, nên người Ê-đê thường sử dụng giống do bộ tác xã cung cấp, hoặc để dành giống lúa của vụ trước hay mua giống ở các cửa hàng vật tư nông nghiệp. Những loại giống lúa mà người Ê-đê hay trồng là UM, ML 48, UEM, Đà thơm, Tám,... Với diện tích canh tác hạn chế, lúa thu hoạch được thường chỉ đủ dùng trong gia đình. Do hệ thống thủy lợi chưa được tốt, nhất là từ khi thủy điện Sêrêpôk 3 hoàn thành vào năm 2010 cho đến nay, người dân xã Ea Nuôl càng gặp khó khăn trong vấn đề tưới tiêu các loại cây trồng, bao gồm cả trồng lúa.

Già làng Ychon Pyă, buôn Ko Đung B cho biết, người Ê-đê trước đây có *lễ cúng bến nước* để cầu cho buôn làng mùa màng bội thu. Cúng bến nước được xem là nghi lễ quan trọng nhất bắt

đầu một mùa trồng trọt, thường từ tháng 4 đến tháng 5 âm lịch. Tuy nhiên, từ nhiều năm nay, người Ê-đê ở buôn Ko Đung B đã không còn cúng bến nước nữa. Một trong những nguyên nhân của sự thay đổi này là do những biến đổi về hình thức canh tác lúa nước và tín ngưỡng. Phần lớn người Ê-đê ở đây đã theo Tin Lành hoặc Công giáo nên không còn duy trì các nghi lễ truyền thống.

Để chăm sóc cây lúa, người Ê-đê thường bón các loại phân hóa học như đạm, lân, kali và các loại phân chuồng sau khi đã ủ hoai với rơm. Theo định kỳ 1-2 tháng, họ làm cỏ và phun thuốc trừ sâu bệnh để lúa phát triển tốt hơn. Các loại phân bón trong một vụ lúa gồm: phân đạm, phân urê và phân kali. Chi phí cho việc chăm sóc cây lúa khoảng 2 triệu đồng/sào/vụ. Số tiền này tương đương như việc chăm cây cà phê, hồ tiêu và một số cây trồng khác. Chi phí này chưa kể đến tiền công nhổ cỏ và thu hoạch. Công việc này thường được làm dưới hình thức vắn đổi công và người đến làm giúp được gia chủ mời cơm, rượu, nước uống, thuốc lá.

Diện tích trồng lúa rất khác nhau giữa các hộ gia đình và thường khó xác định chính xác diện tích canh tác. Thay vào đó, các gia đình thường xác định số lượng khoảnh ruộng mà họ có. Ví dụ, gia đình ông Ychon Pyã, buôn Ko Đung B có 10 khoảnh ruộng do ông và các con khai phá từ trước năm 1975. Đến nay, ông không biết chính xác diện tích các mảnh ruộng này là bao nhiêu mà chỉ ước đoán khoảng 2 hecta.

Năng suất lúa có sự khác nhau giữa các hộ gia đình. Theo báo cáo của UBND xã Ea Nuôl, trong năm 2018, năng suất lúa thu hoạch trung bình 5,2 tấn/hecta (UBND xã Ea Nuôl, 2018). Thực tế qua các cuộc phỏng vấn sâu, người dân cho rằng họ thu hoạch cao nhất là khoảng 200 kg/sào. Đa số các hộ gia đình được phỏng vấn cho rằng với diện tích đất trồng trọt hiện nay của hộ gia đình và năng suất lúa như vậy không đảm bảo nhu cầu lương thực của gia đình họ. Vào lúc giáp hạt, từ tháng 3 đến tháng 5 là lúc họ phải mua thêm gạo bên ngoài để ăn. Riêng gia đình ông Ychon Pyã có dư chút ít lúa để bán sau các vụ thu hoạch do gia đình trồng 3 vụ lúa mỗi năm, nhưng ở xã Ea Nuôl có rất ít hộ gia đình có điều kiện như vậy. Trung bình nhà ông bán từ 20 bao đến 40 bao lúa, mỗi bao 20 kg.

Trong tính toán nhu cầu tiêu thụ lương thực, chúng tôi thấy người Ê-đê tiêu thụ khá nhiều gạo. Trong hộ gia đình khoảng 4 người lớn và 2 trẻ em, một ngày họ dùng hết 1,2 kg gạo. Như vậy, mỗi tháng nhu cầu tiêu thụ gạo của hộ như vậy khoảng 36 kg. Đối với các hộ có nhiều khoảnh đất trồng lúa và trồng được 3 vụ lúa như gia đình nhà ông Ychon Pyã thì đủ ăn và có dư một chút để bán. Còn gia đình nào ít đất thì phải mua thêm để bù cho nhu cầu lương thực của gia đình. Một số hộ gia đình bù đắp việc thiếu lương thực bằng việc trồng ngô, khoai, sắn; nhưng gạo vẫn là loại lương thực ưa thích của người dân.

Như vậy, trong việc trồng lúa của người Ê-đê hiện nay đã hoàn toàn thay đổi so với cách trồng lúa trên nương rẫy truyền thống mà những nghiên cứu trước đây đã đề cập đến. Chẳng hạn, trong công trình *Đại cương về các dân tộc Ê-đê, Mnông ở Đắk Lắk*, Bế Viết Đăng và các cộng sự (1983) cho biết hình thức canh tác lúa phổ biến của người Ê-đê là chọc lỗ, tra hạt. Người dân cũng trồng nhiều giống lúa mới có năng suất cao. Tuy nhiên, việc thay đổi hình thức trồng lúa và sử dụng nhiều loại giống lúa khác nhau vẫn chưa đảm bảo sinh kế bền vững cho người dân nơi đây. Nguyên nhân chính là do sự gia tăng dân số, diện tích đất ruộng ít, phân chia ruộng đất cho con gái khi lập gia đình và chi phí để chăm sóc cây lúa giống mới khá nhiều. Do đó, trong báo cáo năm 2018, UBND xã Ea Nuôl có đề cập đến việc cấp 7.455 kg gạo cho 137 hộ nghèo của xã. Phần lớn các hộ nghèo là người Ê-đê, chiếm 68% tổng hộ nghèo toàn xã (UBND xã Ea Nuôl, 2018).

Cà phê là loại cây trồng đã có từ trước năm 1990 tại xã Ea Nuôi, song mới phổ biến từ năm 2000 trở lại đây. Từ khi canh tác lương thực ở nương rẫy bị hạn chế và dùng hẳn do ảnh hưởng của việc cấm phá rừng, các loại cây cà phê, hồ tiêu, điều... được khuyến khích trồng. Các loại cây này được trồng ở nương rẫy, hoặc vườn quanh nhà của người Ê-đê. Giống cà phê phổ biến là loại Robusta, được người dân tự ương giống hoặc mua giống của các nhà vườn trong xã. Cây cà phê tại đây thường được thu hoạch vào khoảng từ tháng 10 đến tháng 11 hàng năm. Khảo sát tại một số hộ có trồng cà phê cho thấy, 1 hecta cà phê thu hoạch được khoảng 2 tấn hạt, với giá bán khoảng 33.000 đồng/kg. Để chăm sóc cà phê, người dân thường dùng các loại phân bón đạm, lân, kali và phân chuồng. Hộ gia đình chị Hdi Hwing có 8 sào cà phê (1.000m²), dùng hết 1 bao phân ure ướt, 1 bao phân ure khô, 1 bao phân đạm, 1 bao phân kali (50kg). Giá cả các loại phân bón này khác nhau. Đất nhất là phân ure khô với 500.000 đồng, còn rẻ nhất là phân đạm giá 220.000 đồng. Tiền đầu tư cho phân bón khoảng 1.640.000 đồng. Trung bình công lao động cho 1 hecta cà phê khoảng 15-20 ngày, bao gồm cả việc làm cỏ, bón phân, tưới tiêu và thu hoạch. Nếu các hộ gia đình thuê lao động thì giá cả khoảng 140.000-170.000 đồng/ngày. Thông thường, các hộ gia đình có 1-2 hecta và có 2-3 lao động thì ít thuê nhân công mà thường vẫn đổi công cho nhau. Năm 2018, gia đình chị Hdi Hwing thu được 33 triệu đồng từ việc bán cà phê. Sau khi trừ các khoản chi phí sản xuất thì hộ gia đình có 1 hecta cà phê thường thu nhập khoảng 10-15 triệu đồng mỗi năm.

Về phân công công việc trong sản xuất, đa số đàn ông và phụ nữ lớn tuổi là lao động chính trong việc chăm sóc cây cà phê. Đàn ông thường đảm nhiệm việc đào hố trồng cây, tưới tiêu, phun thuốc bảo vệ cây trồng - những công việc nặng nhọc. Phụ nữ thường làm cỏ, hái cà phê. Nước tưới cho các loại cây cà phê, hồ tiêu, điều thường là từ giếng khoan hoặc từ ao, sông, suối.

Mặc dù cà phê, hồ tiêu, điều là cây trồng chính, song người Ê-đê ở đây thường trồng các loại cây này dựa trên kinh nghiệm hoặc theo lời khuyên truyền miệng của những người bán vật tư nông nghiệp. Trong những lần đến thăm các hộ gia đình chúng tôi quan sát thấy hầu như người dân không có bất kỳ tài liệu nào về các giống cây trồng, kỹ thuật sản xuất và thông tin về nhu cầu thị trường của những loại cây mà họ đang trồng.

Ngoài các cây trồng truyền thống hoặc những cây công nghiệp ngắn ngày được đưa vào trồng lâu năm, các chương trình, dự án quốc tế đưa vào trồng thí điểm ở Đắk Lắk, trong đó có xã Ea Nuôi, một số cây trồng mới như ca cao, gấc, đinh lăng,... Các cây này sinh trưởng tốt với khí hậu và thổ nhưỡng địa phương, song người dân chưa nắm bắt tốt kỹ thuật trồng và chăm sóc, đặc biệt là dự án chưa giải quyết tốt đầu ra cho bà con nên cây chỉ còn 1 hộ duy nhất trong số 10 hộ trồng cây ca cao còn duy trì và gần 10 hecta trồng gấc tại xã Ea Nuôi đang bị chết khô, không có người chăm sóc.

Từ năm 2015 trở lại đây, người Ê-đê tại xã Ea Nuôi bắt đầu trồng ngô lai trong khuôn khổ Dự án giảm nghèo khu vực Tây Nguyên tại xã Ea Nuôi. Tổng diện tích trồng ngô của xã khoảng 1.170 hecta. Năng suất thu hoạch 5,5 tấn/hecta (UBND xã Ea Nuôi, 2018). Tại buôn Niêng 1 có 10 hộ tham gia dự án trồng ngô lai. Những hộ được tham gia là người Ê-đê thuộc diện nghèo và cận nghèo. Tổng kinh phí dự án trồng ngô lai tại xã Ea Nuôi là 87.406.000 đồng. Để triển khai kế hoạch, người dân phải có sự đối ứng bằng việc dành 3 hecta đất để trồng ngô lai và vốn tự đầu tư trên 37 triệu đồng. Nguồn vốn này chủ yếu quy ra từ công lao động của người dân. Dự án hỗ trợ giống, phân bón và hướng dẫn kỹ thuật chăm sóc. Thị trường tiêu thụ sản phẩm cũng được cam kết bởi dự án. Tuy vậy, khi xem xét kế hoạch sản xuất của dự án và so với thực tế thì chúng tôi thấy có sự khác nhau Theo

kế hoạch của dự án, năng suất đạt 8 tấn/1 hecta, còn theo báo cáo năm 2018 của UBND thị năng suất chỉ được trung bình 5,5 tấn/1 hecta (UBND xã Ea Nuôl, 2015). Nguyên nhân suy giảm sản lượng được người dân đề cập là do đất bạc màu và các loại sâu bệnh. Bà Bruil Tul, buôn Niêng I cho rằng tính hiệu quả kinh tế của ngô lai không cao, chi phí bỏ ra nhiều, nhưng giá ngô quá thấp. Trong báo cáo năm 2019 của Ban quản lý dự án giảm nghèo huyện Buôn Đôn thì dự án trồng ngô lai không còn thực hiện nữa (Ban quản lý dự án giảm nghèo huyện Buôn Đôn, 2019), nhưng hiện nay người dân vẫn còn tiếp tục canh tác ngô lai, vì tuy ngô có giá thấp, nhưng có thể dùng trong chăn nuôi và các phụ phẩm của nó như lõi ngô có thể dùng làm chất đốt và thân cây ngô có thể dùng vào chăn nuôi bò, dê.

3.2. Chăn nuôi

Người Ê-đê chăn nuôi nhiều loại gia súc và gia cầm như bò, gà, vịt, heo, dê,... Theo truyền thống, gia súc và gia cầm được nuôi để làm vật hiến sinh, phục vụ những nghi lễ trong năm của gia đình và cộng đồng. Người Ê-đê nuôi gia súc, gia cầm chủ yếu để phục vụ cho nghi lễ, ma chay, cưới xin. Theo quan niệm truyền thống, trong các nghi lễ và sinh hoạt cộng đồng, càng hiến sinh nhiều súc vật, càng vinh dự và khẳng định vai trò, vị trí xã hội của người làm hiến sinh (Lê Trần Quyên, 2018).

Chăn nuôi của người Ê-đê đang chuyển phần nào ý nghĩa từ kiểu nuôi truyền thống sang sản xuất hàng hóa đáp ứng nhu cầu thị trường. Trong Dự án giảm nghèo khu vực Tây Nguyên, người Ê-đê đã tham gia vào nhiều nhóm chăn nuôi như dê, lợn và gà. Hiện nay, chăn nuôi của người Ê-đê ở xã Ea Nuôl tồn tại song song hai hình thức, vừa chăn nuôi theo truyền thống vừa chăn nuôi theo phương thức chuyển giao của Dự án. Để phân biệt nguồn gốc các giống vật nuôi, người dân đặt tên là “heo Tây” (giống của dự án) và “heo Êđê” (giống địa phương); hay gà công nghiệp, gà Tam Hoàng và gà “tộc” hoặc “gà Êđê”.

Hình thức chăn nuôi truyền thống của người Ê-đê rất đơn giản. Heo và gà được thả rông quanh nhà để tự kiếm ăn. Thỉnh thoảng, chúng được ăn cám nấu từ các phụ phẩm lương thực và rau. Sau khoảng 12 tháng, trọng lượng của heo chỉ dao động từ 15 đến 20 kg. Những con heo nái đẻ nhiều thường được giữ lại để gây dựng đàn giống. Heo đực thường được người dân để dành cho các dịp lễ, tết cuối năm. Giá thịt heo trung bình từ 120.000 - 150.000 đồng/kg. Mỗi gia đình thường chỉ nuôi 2-3 con heo; những gia đình có đất và chuồng rộng hơn nuôi từ 5 đến 7. Số lượng gà nuôi của mỗi hộ chỉ dao động dưới 10 con. Một con gà bán ra ngoài thị trường có trọng lượng khoảng 1,5 kg có giá 150.000 - 170.000 đồng. Heo và gà của người Ê-đê được thị trường rất ưa chuộng nhưng quy mô chăn nuôi của các hộ còn hạn chế, chủ yếu với mục đích tiêu dùng mà chưa hướng đến kinh doanh.

Theo báo cáo của UBND xã Ea Nuôl, tổng đàn trâu, bò năm 2019 là 2.750 con. Trung bình mỗi gia đình nuôi từ 1-2 con. Trẻ em hoặc người lớn tuổi thường đảm nhận công việc chăn dắt. Các thành viên khác trong gia đình cũng góp sức vào việc chăm sóc trâu, bò như cắt cỏ, thu gom các loại lá cây hoặc thân cây ngô để bổ sung thêm thức ăn. Người Ê-đê thường tận dụng thời gian làm cỏ ở ruộng hay trên rẫy để thu gom thức ăn cho vật nuôi. Bò thường được nuôi ít nhất 15 tháng, tùy theo điều kiện chăm sóc, mới có thể bán ra thị trường. Một con bò khi bán ra thị trường có giá khoảng từ 10 triệu đồng đến 17 triệu đồng, tùy theo khối lượng và chất lượng bò nuôi. Những con bò cái sinh đẻ tốt thường được giữ lại để gây dựng đàn. Số lượng bò cũng được xem là tiêu chuẩn để đánh giá điều kiện kinh tế của mỗi hộ gia đình, ví như gia đình già làng Ychon Pyã nuôi 5 con bò và được xếp vào

điện gia đình khá giả. Dự án giảm nghèo khu vực Tây Nguyên hỗ trợ giống bò cho 1 nhóm gồm 11 hộ gia đình tại buôn Ko Dung B với số vốn 393.000.000 đồng từ khi Dự án bắt đầu triển khai. Vì giá bò giống cao và chi phí chăn nuôi bò khá lớn nên hoạt động này không được mở rộng do nguồn vốn hỗ trợ có hạn.

Các nhóm chăn nuôi gà thuộc Dự án giảm nghèo Tây Nguyên được hình thành vào tháng 9/2018 tại các buôn: Ea Mthar 1A, Ea Mthar 1B, Ea Mthar 2, Ea Mthar 3, Niêng 2 và thôn Hòa Thanh (UBND xã Ea Nuôl, 2018). Mỗi nhóm gồm 20 hộ (bao gồm cả hộ người Ê-đê, người Kinh và các DTTS khác), được giao 200 con gà giống Tam Hoàng, hỗ trợ vật tư làm 200m² chuồng trại và 6 bao thức ăn công nghiệp để nuôi gà; người tham gia đối ứng bằng công lao động làm chuồng trại và chăm sóc gà. Số thức ăn được hỗ trợ chỉ đủ cho gà ăn trong khoảng 1 tháng đầu, sau đó người dân tự bỏ chi phí để mua thức ăn cho gà. Chị Hđi Hwing, tổ phó của nhóm chăn nuôi gà tại buôn Niêng 2 cho biết, cách thức chăn nuôi gà Tam Hoàng khác hoàn toàn so với gà giống địa phương. Gà Tam Hoàng phải được nuôi trong chuồng sạch sẽ, tiêm các loại vaccin phòng bệnh và thức ăn phải là loại cám công nghiệp. Gà Tam Hoàng không có khả năng tự kiểm thức ăn tốt như giống gà địa phương. Hiện nay, gia đình chị Hđi Hwing không còn nuôi gà Tam Hoàng nữa. Chuồng gà trở thành nhà kho chứa các dụng cụ lao động. Cũng giống với nhận xét của chị Hđi Hwing, anh Ywing Hra cho biết: *“...lời con gà đấy [Tam Hoàng] nuôi là cho ăn cám hóa học cho nhanh lớn, nếu cho ăn bình thường lâu lớn lắm, gà công nghiệp là lâu lớn... Gà công nghiệp nó không đi bới ăn giống như gà này đâu, nó không biết bới, mình cho thì nó ăn thôi chứ nó không biết ăn mồi, ăn những thứ tự kiếm được”*. Sau quá trình nuôi khoảng 5-6 tháng, gà Tam Hoàng có thể bán được với giá 50.000 đồng/kg. So với gà địa phương có giá khoảng 80.000 - 90.000 đồng/kg thì người dân chuồng nuôi gà địa phương hơn, dù lâu lớn nhưng dễ nuôi và được thị trường ưa thích hơn. Hơn nữa, gà Tam Hoàng chỉ là gà thịt, không có khả năng sinh sản như gà địa phương, nên sau một lứa nuôi, người dân phải mua giống khác về đẻ kế tiếp đàn. Với 200 con gà được giao nuôi, chị Hđi Hwing hiện nay còn lại khoảng 120-140 con, sau khi gà bị dịch bệnh chết, bị mất cắp,... Hiện nay, trong nhóm nuôi gà của chị Hđi Hwing chỉ còn 1-2 hộ nuôi gà. Các hộ khác sau khi bán lứa gà đã lớn hoặc gà giống bị chết thì bỏ hẳn và không mong muốn nuôi lại loại gà này nữa, vì mất nhiều công chăm sóc mà hiệu quả kinh tế không cao.

Tình trạng nuôi heo thịt cũng tương tự như nuôi gà. Thuộc Dự án giảm nghèo Tây Nguyên, có tất cả 5 nhóm nuôi heo thịt với tổng số 220 con tại 100 hộ gia đình (cả người Ê-đê, người Kinh và các dân tộc thiểu số khác) thuộc các buôn Niêng 1, Niêng 2, Ea Mthar 1A, Ea Mthar 1B và Ko Dung A. Tại buôn Ko Dung A, thời gian thực hiện Dự án trong 12 tháng, từ tháng 7/2018 đến tháng 6/2019. Tổng số kinh phí cho dự án tại buôn Ko Dung A là 472.260.000 đồng, trong đó vốn Dự án cấp là gần 200 triệu đồng, phần còn lại là do các thành viên đối ứng dựa trên công lao động, diện tích đất làm chuồng trại, và mua thức ăn cho heo khi lớn... (UBND xã Ea Nuôl, 2018). Tuy nhiên, người dân tham gia nhóm nuôi heo thịt thường phản ánh là giống heo do Dự án cấp “khó nuôi”, họ “không biết chăm sóc”, “không biết cách cho ăn”, hay “heo bệnh không biết dùng thuốc gì”,... Chị Hblen Bya, trưởng buôn Ko Dung A cho biết: *“Nhóm nuôi heo thịt không được ổn định vì heo nuôi nó không lớn được, nên là nó cũng ảnh hưởng đến đời sống kinh tế của bà con...”*

Khi chúng tôi hỏi về cách thức chăm sóc heo thịt, chị Hblen Bya cũng cho biết người dân chưa biết cách chăm sóc giống heo này, vì nó hoàn toàn khác với giống heo địa phương họ đã nuôi từ nhiều năm nay. Chị Hblen Bya cho biết: *“Loại heo Mông Cái này nó cũng ăn giống heo dân tộc hay sao ý, nó ăn rồi đi hái rau bỏ vô nó vẫn ăn không phải như là heo trắng đâu. Đa số người ta cũng ủng*

hộ heo Móng Cái này, tuy có một số hộ họ thích heo trắng, nhưng mà heo trắng khó nuôi hơn, về cái thức ăn nó hơi khó". Do chăm sóc khó, mà giá heo lại khá thấp, dao động 45.000 - 50.000 đồng/kg, sau hơn 3 tháng chăn nuôi với số lượng 2 con heo, mỗi hộ gia đình có thể thu được khoảng 8 - 9 triệu đồng, chưa trừ chi phí.

Nhóm nuôi dê của Dự án giảm nghèo Tây Nguyên được triển khai tại các buôn Niêng 1, Ko Dung B, Ea Mthar 2. Mỗi nhóm từ 15-17 hộ, một gia đình được giao 2 con dê (cái hoặc đực) và 102m² lưới B40 để làm chuồng trại. Người dân tham gia Dự án nuôi dê bỏ chi phí về gỗ và công sức để làm chuồng trại cho dê. Sau khoảng 12 tháng, mỗi dê cái sẽ sinh sản khoảng 2 con dê con. Người tham gia Dự án được hưởng lợi từ việc bán dê thịt trường thành hoặc dê con. Trong trường hợp dê con là dê đực người nuôi dê có thể hưởng lợi từ làm dịch vụ phối giống dê.

Từ dê con 1-2 tháng, sau khi nuôi khoảng 12 tháng là có thể phối giống và sinh sản. Nếu nuôi dê để bán thịt thì sau 6 tháng trọng lượng dê tầm 20 kg là có thể xuất chuồng. Giá thịt dê dao động 70.000 - 80.000 đồng/kg. Thức ăn cho dê khá đa dạng, từ các loại cỏ, đọt cây non, cho đến cám công nghiệp. Nhưng đa số người dân tận dụng các loại cây cỏ ngay trong vườn nhà hoặc ruộng, rẫy. Hiện nay, phần lớn người dân đi làm rẫy sử dụng xe máy để tiết kiệm thời gian và tranh thủ chuyên chở thức ăn cho dê và các vật nuôi khác. Chỉ trong khoảng 12 tháng là người nuôi dê có thể giao tăng số dê trong đàn của hộ gia đình. Những hộ gia đình có dê cái nhiều hơn thì có ưu thế hơn trong việc thu lợi nhuận qua việc bán dê con hoặc tăng thêm số dê nuôi. Nuôi dê cũng dễ chăm sóc hơn so với nuôi gà và heo. Nguồn thức ăn của dê lại rẻ và có thể tận dụng các phụ phẩm nông sản hoặc hái lượm.

Việc nuôi dê cho đến hiện nay khá thuận lợi vì để ít mắc bệnh so với gà và heo. Trong các nhóm chăn nuôi của Dự án, người Ê-đê chuộng nuôi dê nhất. Vì vậy, có nhiều hộ gia đình không tham gia vào các nhóm chăn nuôi của Dự án cũng học hỏi và phát triển chăn nuôi dê. Nhìn chung, theo đánh giá của nhóm nghiên cứu, nuôi dê hiện nay có kết quả khá quan trọng hơn so với nuôi gà và nuôi heo.

Chăn nuôi của người Ê-đê hiện nay có nhiều khác biệt so với trước đây, đặc biệt kể từ khi có sự hỗ trợ của Dự án giảm nghèo Tây Nguyên. Phương thức chăn nuôi hiện nay là sự lồng ghép giữa cách thức truyền thống và mô hình chăn nuôi xây dựng từ Dự án. Những mô hình chăn nuôi này góp phần tạo sinh kế bền vững cho nhiều hộ gia đình tham gia Dự án, góp phần xóa đói giảm nghèo. Tuy nhiên, để Dự án có hiệu quả hơn, một số khâu của Dự án cần được cải tiến, rút kinh nghiệm, đặc biệt là việc chọn con giống phù hợp với điều địa phương. Các con giống địa phương có sức đề kháng và thích ứng với điều kiện môi trường tốt hơn những con giống nhập về.

3.3. Khai thác các nguồn lợi tự nhiên

Khai thác nguồn lợi tự nhiên là một phần trong sinh kế và văn hóa mưu sinh của người Ê-đê tại xã Ea Nuôi. Qua các phỏng vấn sâu và quan sát, chúng tôi thấy những sản phẩm thu hái từ tự nhiên chủ yếu là nấm, lá giang, lá mi, cà đắng, măng, gỗ làm củi và các loại cỏ cho chăn nuôi gia súc, ... Tại địa bàn nghiên cứu, rừng bị cấm khai thác nên người dân không được phép vào đó để săn bắt, thay vào đó họ đi bắt ven rừng hoặc ven ruộng, rẫy, sông, suối. Vì thế, những động vật được săn bắt hiện nay chủ yếu là chuột đồng, sóc, chồn, cá suối, ... Ngoài việc khai thác các sản phẩm từ tự nhiên phục vụ cho gia đình, đóng góp lớn nhất của khai thác tự nhiên đối với sinh kế và các hoạt động dự án là chăn nuôi dê. Như trên đã trình bày, nhiều loại cây, cỏ rất có lợi cho chăn nuôi heo (lợn), bò và dê. Nhờ

đó, người dân có thể cắt giảm nhiều chi phí mua thức ăn cho vật nuôi. Do vậy, đa số người Ê-đê đều mong muốn phát triển đàn dê hơn là chăn nuôi gà và heo.

3.4. Các ngành nghề khác

Người Ê-đê ở xã Ea Nuôl còn duy trì 2 ngành nghề thủ công truyền thống: đan lát và dệt vải. Nghề đan vẫn còn tồn tại với những sản phẩm như gùi, giỏ tuốt lúa, nong, nia... Hiện nay, đa số người dân sử dụng các sản phẩm từ nhựa nên các sản phẩm đan lát không còn phát triển như xưa nữa.

Nghề dệt vải truyền thống vẫn được duy trì, song số lượng người dệt ngày càng giảm đi. Sản phẩm dệt gồm: áo, xà rông, chăn và khăn. Trung bình mỗi sản phẩm được dệt trong khoảng 7-10 ngày. Giá bán các mặt hàng như sau: áo nữ (1 triệu đồng), xà rông có (1,5-2 triệu đồng), chăn (1,1-1,2 triệu đồng). Đến nay, xã Ea Nuôl chỉ còn một nghệ nhân dệt vải theo cách truyền thống là bà Brui Tul ở buôn Niêng 1. Bà cho biết mình học nghề dệt này từ bà ngoại. Thanh niên ở đây không còn ai mong muốn theo học vì thu nhập từ nghề rất ít và đòi hỏi sự kiên trì. Hơn nữa, giờ đây không còn người trồng bông để lấy sợi nên nguyên liệu chỉ là sợi vải công nghiệp. Một số hợp tác xã dệt thổ cẩm sử dụng máy móc để dệt các sợi vải công nghiệp thành từng mảng hoa văn và ráp lại nhau.

Nhìn chung, các ngành nghề thủ công tại xã Ea Nuôl đang dần mai một. Thay vào đó, phần lớn thanh niên người Ê-đê đi làm công nhân ở thành phố Buôn Ma Thuột, các khu công nghiệp ở Bình Dương, thành phố Hồ Chí Minh... hoặc lao động làm thuê theo thời vụ cho các chủ trang trại và các cơ sở chế biến hạt điều của các hộ người Kinh trong xã. Một ngày công lao động hái hồ tiêu được trả 140.000 đồng, hái cà phê 170.000 đồng; sơ chế vỏ hạt điều được trả khoảng 5.000 đồng/kg. Tuy nhiên, số ngày lao động cho các công việc này không nhiều và chỉ có vào các vụ thu hoạch.

Kết luận

Đời sống và sinh kế hiện nay của người Ê-đê xã Ea Nuôl, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk có nhiều thay đổi so với trước đây nhờ các chính sách của Chính phủ và sự hỗ trợ của các chương trình, dự án quốc tế.

Về tổ chức xã hội, cấu trúc của các buôn dần thay đổi, nhưng quan hệ dòng họ, cha mẹ và con cái vẫn là trọng tâm trong đời sống xã hội của người Ê-đê, và mối quan hệ này vẫn được gìn giữ rất bền chặt. Những người cùng dòng họ thường giúp đỡ nhau trong sản xuất và khi có các công việc lớn của gia đình. Sự phân hóa giàu nghèo ngày càng rõ rệt và người Ê-đê có tỷ lệ giàu nghèo khá cao (chiếm 68.13% số hộ nghèo của xã).

Về văn hóa, một bộ phận lớn người Ê-đê đã trở thành tín đồ của Công giáo và Tin Lành. Các tôn giáo này đã có những tác động lớn đến sự thay đổi quan niệm và thực hành văn hóa truyền thống tộc người. Với sự phát triển khoa học và công nghệ, một số phương tiện đi lại, liên lạc và cơ giới hóa trong hoạt động sản xuất đang ngày càng đóng góp vào sự phát triển ở các buôn làng của người Ê-đê.

Về sinh kế, các loại cây công nghiệp như cà phê, điều, hồ tiêu... là những loại cây trồng chính, đem lại nguồn thu nhập đáng kể cho người dân Chăn nuôi hàng hóa chỉ mới phát triển từ năm 2015 trở lại đây kể từ khi Dự án giảm nghèo Tây Nguyên thành lập và hỗ trợ các nhóm chăn nuôi. Người Ê-đê đã có những lựa chọn hợp lý, kết hợp các kiến về kỹ thuật mới do Dự án cung cấp với tri thức tộc người để phát triển chăn nuôi.

Cùng với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ và một số chương trình dự án quốc tế đã góp phần từng bước nâng cao mức sống cho người dân thông qua nỗ lực cải thiện cơ hội sinh kế ở các xã nghèo trong vùng dự án, tăng cường tự chủ về sinh kế thông qua củng cố an ninh lương thực và dinh dưỡng, đồng thời thúc đẩy đa dạng hoá các loại hình sinh kế, kết nối thị trường để cải thiện thu nhập bền vững cho người dân,... Đây được xem là cơ hội mở ra triển vọng trong việc khai thác một số giải pháp giảm nghèo bền vững cho đồng bào dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, để các chương trình, dự án có hiệu quả hơn, cần có sự quan tâm hơn nữa đến tập quán sinh hoạt và sản xuất của các tộc người.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Quản lý dự án giảm nghèo huyện Buôn Đôn (2019), *Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 2018 dự án giảm nghèo khu vực Tây Nguyên xã Ea Nuôl, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk*.
2. Ban Phát triển Ea Nuôl (2018), *Đề xuất và dự toán tiểu dự án sinh kế nuôi heo sinh sản buôn Ko Dung A, xã Ea Nuôl, huyện Buôn Đôn, tỉnh Đắk Lắk*, Ea Nuôl, Buôn Đôn, Đắk Lắk.
3. Bê Viết Đăng, Chu Thái Sơn, Vũ Thị Hồng, Vũ Đình Lợi (1983), *Đại cương về các dân tộc Ê-đê, Mnông ở Đắk Lắk*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Lê Trần Quyên (2018), “Dân tộc Ê-đê”, trong: *Các dân tộc ở Việt Nam* (Tập 4, Quyển 2: Nhóm ngôn ngữ Hán và Mã lai Đa đảo) (Vương Xuân Tình chủ biên), Nxb. Chính trị quốc gia-Sự thật, Hà Nội.
5. Minh Thông (2017), *Kêu gọi đầu tư 25 dự án ODA*, truy cập tại: <http://baodaklak.vn/channel/3602/201704/keu-voi-dau-tu-25-du-an-oda-5529205/>, truy cập ngày 11/10/2019.
6. Ủy ban Dân tộc (2015), *Kết quả điều tra thực trạng kinh tế-xã hội 53 dân tộc thiểu số năm 2015*, Hà Nội. Truy cập tại: <http://www.cema.gov.vn/ket-qua-dieu-tra-thuc-trang-kt-xh-53-dan-toc-thieu-so-nam-2015.htm>, truy cập ngày 25/8/2019.
7. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (2015), *Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh 5 năm 2016-2020*, Đắk Lắk.
8. Ủy ban nhân dân xã Ea Nuôl (2019), *Bảng tổng hợp thành phần dân tộc năm 2019*, Đắk Lắk.
9. Ủy ban nhân dân xã Ea Nuôl (2018), *Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội, đảm bảo quốc phòng-an ninh năm 2018, phương hướng nhiệm vụ năm 2019*, Ea Nuôl, Buôn Đôn, Đắk Lắk.
10. Ủy ban nhân dân xã Ea Nuôl (2015), *Đề án tiểu dự án sinh kế sản xuất ngô lai*, Ea Nuôl, Buôn Đôn, Đắk Lắk.
11. Viện Dân tộc học (1984), *Các dân tộc ít người ở Việt Nam (Các tỉnh phía Nam)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.